

Số: 69/2025/QĐ-UBND

Huế, ngày 08 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Huế**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Huế.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Huế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 56/2015/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND thành phố;
- Hội đồng nhân dân thành phố;
- UBND thành phố: CT và các PCT;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố;
- UBND các xã, phường;
- VP UBND thành phố: CVP và các PCVP;
- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Huế;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, NVTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phương

QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Huế
(Kèm theo Quyết định số 69/2025/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2025
Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

Chương I VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (viết tắt là Chi cục) là tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Huế, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.
- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời, chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

- Tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:
 - Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác về trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố; dự thảo các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về trồng trọt và bảo vệ thực vật;
 - Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân thành phố; các văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;
- Tham mưu, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực Nông nghiệp

và Môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

3. Tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật:

a) Trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và tổ chức thực hiện: kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa; kế hoạch sản xuất trồng trọt của địa phương; chính sách hỗ trợ sản xuất, buôn bán, sử dụng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp; kế hoạch phòng, chống sinh vật gây hại, kiểm dịch thực vật nội địa;

b) Chỉ đạo, thực hiện cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống, canh tác, kỹ thuật trồng trọt, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm cây trồng;

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện vùng không nhiễm sinh vật gây hại trên địa bàn thành phố;

d) Tổ chức phòng, chống dịch, thực hiện các biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra dịch hại thực vật; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch gây ra; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục sản xuất;

đ) Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, thi hành các biện pháp quản lý nhà nước về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng tại địa phương;

e) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện hoạt động trồng trọt; phát triển vùng sản xuất cây trồng, sản xuất nông sản thực phẩm an toàn;

g) Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất, bảo vệ và cải tạo độ phì của đất nông nghiệp, chống xói mòn, sa mạc hóa và sạt lở đất thuộc nhiệm vụ của Sở và quy định của pháp luật; Sản xuất trồng trọt giảm phát thải, sản xuất tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu; trồng trọt hữu cơ; hoạt động bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thực hiện cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật;

h) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định công bố dịch hại thực vật; quyết định công nhận, thu hồi hoặc hủy bỏ quyết định công nhận, giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định;

i) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư hàng hóa thuộc lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn thành phố sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

k) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường.

4. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về thực vật trên địa bàn thành phố theo quy định.

5. Tổ chức thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo tồn, khai thác nguồn gen giống cây trồng.

6. Thực hiện quản lý nhà nước về giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật; thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong kinh doanh vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng nông nghiệp và đề xuất xử lý vi phạm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

7. Hướng dẫn và tổ chức xây dựng mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) trong nông nghiệp.

8. Thực hiện điều tra, thống kê và quản lý cơ sở dữ liệu về trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn thành phố.

9. Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi các loại giấy chứng nhận, giấy phép và được thu phí, lệ phí theo phân cấp của Sở Nông nghiệp và Môi trường và theo quy định của pháp luật.

10. Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn, kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.

11. Tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát thực nghiệm, phát hiện, dự tính dự báo thời gian phát sinh, phạm vi và mức độ gây hại của những sinh vật gây hại thực vật trên địa bàn thành phố; thông báo kịp thời và đề xuất chủ trương, hướng dẫn biện pháp kỹ thuật phòng chống sinh vật gây hại.

12. Thực nghiệm và chuyển giao áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ về trồng trọt và bảo vệ thực vật vào sản xuất; thực hiện công tác khuyến nông về trồng trọt và bảo vệ thực vật theo phân công của Giám đốc Sở.

13. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình phát triển về trồng trọt, bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật trên địa bàn thành phố; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

14. Thực hiện cung ứng dịch vụ công chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

15. Thực hiện công tác kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý vi phạm về việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật trên địa bàn thành phố theo quy định.

16. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý theo phân công của Sở Nông nghiệp và Môi trường và quy định của pháp luật.

17. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và cán bộ không chuyên trách các xã, phường làm công tác quản lý về trồng trọt, bảo vệ thực vật theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Tập huấn nâng cao kiến thức cho người sản xuất về lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn thành phố.

18. Thực hiện chế độ thông báo, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình, kết quả công tác trồng trọt, bảo vệ thực vật và các hoạt động khác có liên quan ở địa phương theo quy định; tổng kết, đánh giá hoạt động trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn thành phố.

19. Tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính; công tác chuyển đổi số, cải cách tài chính công; tài chính, tài sản và nguồn lực khác được giao theo phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và quy định của pháp luật.

20. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, công chức, viên chức, người lao động; thực hiện chế độ chính sách, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho công chức, viên chức thuộc Chi cục theo phân công của Sở Nông nghiệp và Môi Trường và quy định của pháp luật.

21. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi Trường giao.

Chương III **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ**

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Chi cục:

Chi cục gồm có Chi cục trưởng và không quá 02 Phó Chi cục trưởng.

a) Chi cục trưởng là người đứng đầu Chi cục và là người đại diện theo pháp luật của Chi cục, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục;

b) Phó Chi cục trưởng phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác do Chi cục trưởng phân công và chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng về kết quả công tác được giao; thay mặt Chi cục trưởng giải quyết các công việc của Chi cục khi Chi cục trưởng vắng mặt theo sự phân công;

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng thực hiện theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định pháp luật hiện hành.

2. Cơ cấu tổ chức:

a) Các phòng thuộc Chi cục:

- Phòng Hành chính, tổng hợp;
- Phòng Trồng trọt;
- Phòng Bảo vệ thực vật.

b) Các đơn vị sự nghiệp thuộc Chi cục

- Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Khu vực 1 (phạm vi thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn các phường: Phong Điền, Phong Thái, Phong Dinh, Phong Phú, Phong Quảng và các xã: Đan Điền, Quảng Điền);

- Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Khu vực 2 (phạm vi thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn các phường: Hóa Châu, Hương Trà, Kim Trà, Kim Long, Hương An, Phú Xuân và các xã: Bình Điền, A Lưới 1, A Lưới 2, A Lưới 3, A Lưới 4, A Lưới 5);

- Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Khu vực 3 (phạm vi thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn các phường: Thuận An, Dương Nỗ, Mỹ Thượng, Vỹ Dạ, Thuận Hóa, An Cựu, Thủy Xuân, Thanh Thủy, Hương Thủy, Phú Bài và các xã: Phú Vinh, Phú Hồ, Phú Vang);

- Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Khu vực 4 (phạm vi thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn các xã: Vinh Lộc, Hưng Lộc, Lộc An, Phú Lộc, Chân Mây – Lăng Cô, Long Quảng, Nam Đông, Khe Tre).

c) Việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các trạm thuộc Chi cục; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác thực hiện theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định hiện hành.

Điều 4. Về biên chế

1. Biên chế công chức, số lượng người làm việc được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc và nằm trong tổng biên chế của thành phố do cấp có thẩm quyền giao.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch biên chế trình Ủy ban nhân dân thành phố để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật./.